|  |  |
| --- | --- |
| Name | Tra mã vận đơn |
| Code |  |
| Short description | Kiểm tra về thông tin đơn hàng nhờ vào thông tin khách hàng |
| Actor | Người bán, người mua và hệ thống giao hàng |
| Trigger | Người sử dụng bấm vào nút tra mã vận đơn trên hệ thống |
| Pre-condition | Mã vận đơn này đã tồn tại trong hệ thống |
| Post-condition | Hệ thống hiển thị thông tin đơn hàng |
| Standard process (flow) | 1. Actor nhấn vào ” Tra mã vận đơn”  2. Actor tiến hành kiểm tra  3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết về đơn hàng |
| Alternative process (flow) | 3’. Mã vận đơn không tồn tại trên hệ thống  4’. Hệ thống thông báo lỗi cho nhân viên |
| Error situations: | Không kết nối được với sever |
| System state in error situation | Hệ thống không hiển thị thông tin đơn hàng |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Thống kê số lượng đơn hàng để giao |
| Code |  |
| Short description | Hệ thống thống kê được đơn hàng cần giao và thông báo cho nhân viên |
| Actor | Nhân viên giao hàng và hệ thống giao hàng |
| Trigger | Actor bấm vào nút “Cập nhật số lượng đơn hàng” trên hệ thống |
| Pre-condition | Đã có dữ liệu về đơn hàng và trạng thái của chúng trên hệ thống |
| Post-condition | Hệ thống hiển thị các đơn hàng cần giao |
| Standard process (flow) | 1. Actor đăng nhập vào hệ thống  2. Actor bấm vào nút “Cập nhật số lượng đơn hàng”  3. Hệ thống thực hiện thống kê và thông báo cho nhân viên |
| Alternative process (flow) | 3’. Hệ thống gặp lỗi trong quá trình thống kê |
| Error situations: | Không thể thực hiện thống kê đơn hàng |
| System state in error situation | Hệ thống không thông báo được cho nhân viên đơn hàng mà họ cần giao |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Kiểm tra thông tin trung chuyển |
| Code |  |
| Short description | Cho phép nhân viên kiểm tra được thông tin trung chuyển |
| Actor | Hệ thống giao hàng |
| Trigger | Actor nhấn vào nút “Kiểm tra trung chuyển” |
| Pre-condition | Đã có thông tin trung chuyển trên hệ thống |
| Post-condition | Hệ thống hiển thị thông tin trung chuyển |
| Standard process (flow) | 1. Actor đăng nhập vào hệ thống  2. Actor bấm vào nút “Kiểm tra trung chuyển”  3. Hệ thống yêu cầu nhập mã trung chuyển để có thể kiểm tra  4. Actor nhập vào mã trung chuyển  5. Hệ thống lấy thông tin trung chuyển và hiển thị lên |
| Alternative process (flow) | 4’. Actor nhập vào mã trung chuyển không tồn tại trên hệ thống  5’. Hệ thống thông báo lỗi và sẽ chuyển về màn hình yêu cầu nhập mã đơn hàng |
| Error situations: | Không thể kết nối với sever |
| System state in error situation | Hệ thống không hiển thị thông tin trung chuyển |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Cập nhật trạng thái đơn hàng |
| Code |  |
| Short description | Cho phép nhân viên cập nhật về trạng thái đơn hàng trên hệ thống |
| Actor | Hệ thống giao hàng và nhân viên giao hàng |
| Trigger | Actor bấm vào nút “Cập nhật trạng thái đơn hàng” trên hệ thống và tiến hành cập nhật |
| Pre-condition | Đơn hàng không nằm trong trạng thái “Đã giao” hoặc “Huỷ đơn” |
| Post-condition | Đơn hàng hiển thị trạng thái mới |
| Standard process (flow) | 1. Actor đăng nhập vào hệ thống  2. Actor chọn chức năng “Cập nhật trạng thái đơn hàng”  3. Actor cập nhật trạng thái của đơn hàng  4. Hệ thống lưu trạng thái của đơn hàng |
| Alternative process (flow) | 3’. Nhân viên cập nhật không đúng trạng thái đơn hàng  4’. Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhân viên cập nhật lại trạng thái |
| Error situations: | Không thể kết nối với sever |
| System state in error situation | Hệ thống giữ nguyên trạng thái trước khi cập nhật đơn hàng |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Xử lí yêu cầu đơn hàng |
| Code |  |
| Short description | Nhân viên xử lí yêu cầu đơn hàng theo yêu cầu của người mua và người bán |
| Actor | Hệ thống giao hàng và nhân viên giao hàng |
| Trigger | Người mua và người bán tạo yêu cầu cho đơn hàng của mình |
| Pre-condition | Thông tin về đơn hàng và yêu cầu xử lí phải hợp lệ |
| Post-condition | Hệ thống ghi nhận lại các xử lí |
| Standard process (flow) | 1. Actor đăng nhập vào hệ thống  2. Actor chọn chức năng “Xem yêu cầu của đơn hàng”  3. Sau khi xử lí xong sẽ cập nhật lên hệ thống  4. Hệ thống ghi nhận lại các xử lí |
| Alternative process (flow) |  |
| Error situations: | Không kết nối được với sever |
| System state in error situation | Hệ thống không thể xử lí đơn hàng |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Cập nhật dòng tiền |
| Code |  |
| Short description | Cho phép hệ thống giao hàng và nhân viên giao hàng cập nhật dòng tiền lên hệ thống |
| Actor | Hệ thống giao hàng và nhân viên giao hàng |
| Trigger | Actor cập nhật dòng tiền lên hệ thống |
| Pre-condition | Thông tin cập nhật phải hợp lệ |
| Post-condition | Hệ thống cập nhật lại dòng tiền trong hệ thống |
| Standard process (flow) | 1. Actor đăng nhập vào hệ thống  2. Actor chọn chức năng “Cập nhật dòng tiền”  3. Actor nhập thông tin đơn hàng giao và số tiền nhận từ khách hàng  4. Hệ thống cập nhật lại dòng tiền trong hệ thống |
| Alternative process (flow) | 3’. Actor nhập sai thông tin đơn hàng giao và sai giá tiền nhận từ khách của đơn hàng đó  4’. Hệ thống thông báo lỗi cho nhân viên  5’. Trở về bước nhập giá tiền |
| Error situations: | Không kết nối với sever |
| System state in error situation | Hệ thống không thể cập nhật lại dòng tiền hệ thống |